

Số: 11 /2017/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 13 tháng 7 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa  
bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-KTNS ngày 30 tháng 6  
năm 2017 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*(Kèm theo Phụ lục mức phí).*

**Điều 2.** Điều khoản thi hành:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên-Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thành phố;
- Website HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT-TH.




**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**

## PHỤ LỤC

**Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)



STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granite, gabro, đá hoa, bazan)	m <sup>3</sup>	70.000
2	Đá Block	m <sup>3</sup>	90.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m <sup>3</sup>	6.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m <sup>3</sup>	5.000
5	Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, fluorit, bentônít và các loại khoáng chất khác)	Tấn	3.000
6	Cát vàng	m <sup>3</sup>	5.000
7	Cát trắng	m <sup>3</sup>	7.000
8	Các loại cát khác	m <sup>3</sup>	4.000
9	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	2.000
10	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m <sup>3</sup>	2.000
11	Các loại đất khác	m <sup>3</sup>	2.000
12	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	3.000
13	Than các loại	Tấn	10.000
14	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000